

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2021/HS-ST

Ngày 03 - 11 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huệ và bà Đoàn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Chính – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Vũ Bá Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 135/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/HSST-QĐ đối với bị cáo:

- Trịnh Văn L, sinh năm 1977 tại Hà Nam; nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn P (đã chết) và bà Hoàng Thị V sinh năm 1943; vợ: Phạm Thị N, sinh năm 1979; con: có ba con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không. Tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện bị cáo đang được tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Bị hại:

+ Anh Nguyễn Trường S, sinh năm 1984. Vắng mặt.

+ Anh Phạm Viết H, sinh năm 1982. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Đều trú tại: Thôn , xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; trú tại: Thôn K, Đan Th, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

+ Chị Trịnh Thị C, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2003. Có mặt.

+ Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1943. Vắng mặt.

Đều trú tại: Tổ dân phố H, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

- **Người làm chứng:** Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1972. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết được khu vực T, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam trồng nhiều cây cảnh nên khoảng 19 giờ ngày 26/3/2021 Trịnh Văn L điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 60K7 – 4395 kéo theo xe bò đến khu vực vườn nhà anh Nguyễn Trường S ở Xóm , xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam, L quan sát không có ai trông coi L liền đi tới bê 02 cây Hoa giấy trồng trong chậu nhựa lên xe bò, L lên xe mô tô định chở về nhà thì bị quần chúng nhân dân phát hiện và trình báo Công an xã đến giải quyết.

Quá trình điều tra, Trịnh Văn L còn khai nhận trước đó vào các ngày 24, 25/3/2021 cũng tại Thôn , xã P, thành phố P, L lén lút trộm cắp tài sản cụ thể:

- Lần thứ nhất: Khoảng 19 giờ ngày 24/3/2021 L điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 60K7 – 4395 đi qua vườn nhà anh Phạm Viết H ở thôn, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam, quan sát xung quanh không có ai, L dừng xe đi bộ vào trong vườn dùng hai tay nhổ 01 gốc cây Mộc hương có 03 nhánh, chu vi gốc là 30cm, chiều cao 320cm mang ra xe chở về nhà. Sau đó L tiếp tục điều khiển xe mô tô đi đến vườn nhà anh Nguyễn Mạnh T ở cùng địa chỉ nhổ 01 cây Mộc hương có 03 nhánh, chu vi gốc là 20cm, chiều cao 280cm và 01 cây Mộc hương có 02 nhánh, chu vi gốc là 22cm, chiều cao 315cm mang ra xe mô tô chở về nhà.

- Lần thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 25/3/2021, L điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 60K7 – 4395 đến vườn nhà anh Nguyễn Trường S ở thôn, xã P, thành phố P, quan sát xung quanh không có ai, L lấy trộm 02 cây ngũ sắc gồm: 01 cây cao 130cm, đường kính gốc 05cm; 01 cây cao 140cm, đường kính gốc 7cm và 02 cây hoa giấy gồm: 01 cây cao 116cm có 05 tán và 01 cây cao 120cm có 05 tán. Sau đó L mang ra đặt vào khung sườn xe máy chở về nhà trồng.

Vật chứng, tài sản thu giữ gồm: 03 cây Mộc hương, 02 cây Ngũ sắc, 04 cây Hoa giấy, 01 xe mô tô Biển kiểm soát 60K7 – 4395 và 01 xe bò kéo bằng kim loại.

Tại bản kết luận định giá tài số 23/2021 ngày 13/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Phủ Lý, kết luận:

- 01 cây Mộc hương có 03 nhánh, chu vi gốc 20cm, chiều cao 280cm giá 4.000.000đ; 01 cây Mộc hương có 03 nhánh, chu vi gốc 30cm, chiều cao 320cm, giá 5.000.000đ; 01 cây Mộc hương 02 nhánh, chu vi gốc 22cm, chiều cao 315cm giá 7.000.000đ.

- 01 cây Hoa giấy trồng trong chậu bằng nhựa kích thước (25 x 90), cây cao 116cm, có 05 tán giá 500.000đ; 01 cây Hoa giấy trồng trong chậu bằng nhựa kích thước (25 x 90)cm, cây cao 120cm, có 05 tán giá 500.000đ; 01 cây Ngũ sắc cao 130cm, đường kính 05cm, tán chõ rộng nhất là 40cm giá 1.000.000đ; 01 cây Ngũ sắc cao 140cm, đường kính 07cm, tán chõ rộng nhất là 50cm giá 1.000.000đ.

- 01 cây Hoa giấy trồng trong chậu bằng nhựa màu đỏ, cây có chiều cao là 315cm, cây có 05 tán, đường kính tán là 35cm giá 700.000đ; 01 cây Hoa giấy

trồng trong chậu bằng nhựa màu đỏ, cây có chiều cao 315cm, cây có 05 tán, đường kính tán là 35cm giá 700.000đ.

Tổng trị giá tài sản Trịnh Văn L trộm cắp ngày 24/3/2021 là 16.000.000đ; ngày 25/3/2021 là 3.000.000đ; ngày 26/3/2021 là 1.400.000đ.

Ngày 18/5/2021, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P ra Quyết định trưng cầu giám định số 64, trưng cầu Viện pháp y tâm thần Trung ương giám định tâm thần đối với Trịnh Văn L.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tâm thần số 241/KLGD ngày 30/7/2021 của Viện pháp y tâm thần trung ương, kết luận: “Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội (vào các ngày 24, 25, 26/3/2021) và tại thời điểm giám định Trịnh Văn L có bệnh rối loạn hỗn hợp lo âu và trầm cảm, bệnh ở giai đoạn thuyên giảm. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F41.2. Tại các thời điểm trên, đối tượng đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi”.

- Bản cáo trạng số 151/CT-VKS-PL ngày 04/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý truy tố Trịnh Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như đã nêu trong bản cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì thêm. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự. Đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù. Hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bản thân là lao động tự do. Do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại Điều 35 và khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự. Trả lại chị Trịnh Thị C 01 chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 60K7 – 4395. Trả lại bà Hoàng Thị V 01 chiếc xe bò kéo bằng kim loại.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự nên không xem xét.

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trong bản cáo trạng không tranh luận, không có lời bào chữa chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Chị Trịnh Thị C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày: Nguồn gốc chiếc xe máy bị thu giữ là bố chị (bị cáo) mua lại của ông Nguyễn Văn T cho chị để chị đi học. Chị dựng xe ở sân, bố chị lấy đi chị không biết. Nay chị có nguyện vọng xin lại chiếc xe để làm phương tiện đi lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố: Những người tiến hành Tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Các chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ là hợp pháp.

[2] Đối với người tham gia tố tụng như bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt nhưng đã được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt và công bố lời khai tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

[3] Đánh giá về tội danh: Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra. Hội đồng xét xử thấy phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, về thời gian, địa điểm, diễn biến vụ án, sơ đồ hiện trường, kết luận định giá tài sản của cơ quan chuyên môn cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được cơ quan điều tra thu thập theo trình tự luật định, phản ánh đúng sự thật khách quan của vụ án.

Như vậy, có đủ chứng cứ buộc tội kết luận: Khoảng 19 giờ các ngày 24, 25, 26/3/2021 tại Thôn, xã Phù V, thành phố P, tỉnh Hà Nam, Trịnh Văn L đã 03 lần lén lút chiếm đoạt tài sản, trong đó 02 lần đủ yếu tố cấu thành tội phạm cụ thể: Ngày 24/3/2021, L chiếm đoạt 01 cây Mộc hương của anh Phạm Viết H và 02 cây Mộc hương của anh Nguyễn Mạnh T trị giá 16.000.000đ. Ngày 25/3/2021, L tiếp tục chiếm đoạt 02 cây hoa Ngũ sắc, 02 cây hoa Giấy của anh Nguyễn Trường S trị giá 3.000.000đ. Ngày 26/3/2021, L chiếm đoạt 02 cây hoa Giấy nhà anh Nguyễn Trường S trị giá 1.400.000đ. Tổng trị giá tài sản mà L đã chiếm đoạt là 20.400.000đ. Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định, bị cáo bị bệnh rối loạn hỗn hợp lo âu và trầm cảm (bệnh ở giai đoạn thuyên giảm) tại thời điểm giám định bị cáo đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Do vậy hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự.
- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong đó có 02 lần đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do vậy bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế

có khăn, bản thân bị bệnh rối loạn hỗn hợp lo âu và trầm cảm; bố đẻ bị cáo là ông Trịnh Văn P tham gia kháng chiến chống Mỹ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì và 03 huân chương giải phóng có xác nhận của chính quyền địa phương và Ban chấp hành Hội cựu chiến binh phường L. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Đánh giá về hình phạt:

- Hình phạt chính: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của các bị hại được pháp luật bảo vệ, hành vi phạm tội của bị cáo còn gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho quần chúng nhân dân đặc biệt đối với các hộ trồng cây cảnh tại khu vực Thôn, xã P, thành phố P. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, cần phải có mức án nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục chính bị cáo và nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm.

- Hình phạt bổ sung: Bị cáo hoàn cảnh khó khăn được địa phương xác nhận, bản thân bị bệnh tật nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt gồm 04 cây Hoa giấy, 03 cây Mộc hương và 02 cây Ngũ sắc đã được thu hồi và trả lại cho các bị hại là anh Phạm Viết H, anh Nguyễn Trường S và anh Nguyễn Mạnh T. Các bị hại nhận lại tài sản trên và đều không có yêu cầu, đề nghị gì về bồi thường dân sự nên Hội đồng không đặt ra xem xét.

[7] Xử lý vật chứng:

- Đối với 03 cây mộc hương, 02 cây ngũ sắc, 04 cây hoa giấy là vật chứng của vụ án, quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã tiến hành trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp là anh Phạm Viết H, anh Nguyễn Trường S và anh Nguyễn Mạnh T là phù hợp quy định của pháp luật.

- Đối với 01 xe mô tô Biển kiểm soát 60K7 – 4395 quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị Trịnh Thị C (là con gái bị cáo) chị C không biết bị cáo dùng chiếc xe làm phương tiện phạm tội nên cần trả lại chiếc xe trên cho chị C.

- Đối với 01 xe bò kéo bằng kim loại là tài sản hợp pháp của bà Hoàng Thị V (là mẹ đẻ bị cáo), bà V không biết bị cáo sử dụng chiếc xe bò trên làm phương tiện phạm tội nên trả lại chiếc xe bò trên cho bà V.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện theo quy định của pháp luật. Về án phí, bị cáo thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 47, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

- Căn cứ các Điều 106, 135, 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Văn L 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2/ Xử lý vật chứng: Trả lại chị Trịnh Thị C 01 xe máy nhãn hiệu Wave (yếm xe bên trái bị vỡ, không có yếm bên phải) biển kiểm soát: 60K7- 4395, số khung: CH101YT016883, số máy: LC152FMH01234889 (xe đã qua sử dụng).

Trả lại bà Hoàng Thị V 01 xe bò kéo bằng kim loại, chiều dài xe là 2,4m, thùng xe có chiều dài 1,25m, chiều ngang 70cm, cao 30cm, xe có 02 bánh xe lốp cao su, đường kính bánh xe là 45cm. Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Hà Nam với Chi cục thi hành án dân sự, thành phố P, tỉnh Hà Nam ngày 18/10/2021.

3/ Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trịnh Văn L phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phú Lý;
- CQ CSĐT CA tỉnh Hà Nam;
- CQTHAHS có thẩm quyền;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Phú Lý;
- Bị cáo; bị hại; người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Oanh

